

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 153/2022/HNGĐ-ST

Ngày : 12/9/2022

*V/v Tranh chấp hôn nhân và gia
đình”.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thông

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hồng Phương

2. Bà Nguyễn Thị Bích

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân
tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà
Hà Thị Hải - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 12/9/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm
công khai vụ án thụ lý số 138/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022 về
tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2022/QĐXX-ST ngày 29/7/2022
và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2022/QĐ-ST ngày 16/8/2022 giữa các đương
sự:

***Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn D; Sinh năm : 1976 (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn B, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

***Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị H; Sinh năm : 1977 (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn B, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

(Hiện đang lao động tại nước ngoài)

Địa chỉ cuối cùng của chị Nguyễn Thị H tại Việt Nam là Thôn B, xã Y, huyện
Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 13/7/2022 Nguyên đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị H đến với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào năm 2001 nhưng anh và chị H không ra Ủy ban nhân dân xã để đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức lễ cưới chị H về chung sống cùng gia đình anh một thời gian, sau đó vợ chồng ra ở riêng. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2009 thì chị H đã đi sang nước ngoài lao động, kể từ khi chị H sang nước ngoài lao động thì vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau và ít khi liên lạc với nhau, anh đã nhiều lần gọi chị H về nước để chăm sóc các con và chăm lo cho gia đình nhưng chị H vẫn không về nước và mấy năm gần đây thì vợ chồng đã cắt đứt liên lạc với nhau. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết không công nhận anh và chị Nguyễn Thị H là vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng anh có 2 con chung là cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 01/8/2002 và cháu Nguyễn Phương H1, sinh ngày 28/6/2004. Hiện nay cháu T và cháu H1 đã trưởng thành, ly hôn anh không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không đề nghị giải quyết.

Ngoài ra anh D còn trình bày: Hiện nay chị H vẫn đang lao động ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể của chị H ở nước ngoài anh không cung cấp được cho Tòa án được vì anh đã lâu không liên lạc được với chị H, chị H vẫn liên lạc về cho bố mẹ chị H là ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Đ, trú tại: Thôn B, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang nhưng ông Th và bà Đ cũng không cung cấp địa chỉ cho anh biết nên anh không biết để cung cấp cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên anh không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa anh và chị H được, nên anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị H.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H không có bản tự khai.

Ngày 18/7/2022 và ngày 27/7/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với bố đẻ của chị H là ông Nguyễn Văn Th, SN 1953; trú tại: Thôn B, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu ông Th

thông báo cho chị H biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị H; yêu cầu chị H viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu ông Th cung cấp địa chỉ cụ thể của chị H ở nước ngoài. Tuy nhiên qua 2 lần làm việc ông Th vẫn giữ nguyên quan điểm là chị H ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng ông không cung cấp địa chỉ cụ thể của chị H ở nước ngoài cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân chị H, đồng thời ông cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị H biết để chị H gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của chị H gửi về.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn D vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Nguyễn Thị H vắng mặt không có lý do.

Thay mặt Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của anh D; Biên bản làm việc với bố đẻ của chị H là ông Nguyễn Văn Th và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn anh Nguyễn Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chị H không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với chị H; Căn cứ vào công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H là đúng.

-Về nội dung: Đề nghị HDXX áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điều 53 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 8 điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37; Điều 38; khoản 4 điều 147; điều 227; điều 273; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 272 khoản 2 Điều 479 BLTTDS; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử .

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị H là vợ chồng.

Anh Nguyễn Văn D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:** Anh Nguyễn Văn D là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn D.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với bố đẻ của chị H là ông Nguyễn Văn Th để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu ông Th thông báo cho chị H biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị H; Yêu cầu chị H viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu ông Th cung cấp địa chỉ cụ thể của chị H ở nước ngoài. Ông Nguyễn Văn Th trình bày: Chị H ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho ông. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà ông Th vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của chị H cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị H biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị H theo thủ tục chung.

[2]. **Về thẩm quyền:** Anh Nguyễn Văn D là nguyên đơn có đơn xin ly hôn chị Nguyễn Thị H, chị H hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 14629/QLXNC-P5 ngày 14/7/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an), thì chị H đã xuất cảnh ngày 05/10/2016 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của chị H ở Việt Nam là: Thôn B, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. **Về quan hệ Hôn nhân:** Anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị H có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào năm 2001, nhưng không ra Ủy ban nhân dân xã làm thủ tục đăng ký kết hôn. Theo xác nhận ngày 09/6/2022 thì Ủy ban nhân dân xã Yên Lư cũng cung cấp trong sổ đăng ký kết hôn còn lưu giữ không có thông tin kết hôn của anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị H. Do vậy đây không phải là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh D trình bày: Sau khi tổ chức lễ cưới vợ chồng về chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2009 thì chị H đã đi sang nước ngoài lao động, kể từ khi chị H sang nước ngoài lao động thì vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau và ít khi liên lạc với nhau, anh đã nhiều lần gọi chị H về nước để chăm sóc các con và chăm lo cho gia đình nhưng chị H vẫn không về nước và mấy năm gần đây thì vợ chồng đã cắt đứt liên lạc với nhau. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết không công nhận anh và chị Nguyễn Thị H là vợ chồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của anh D. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi tổ chức lễ cưới anh D và chị H về chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2009 thì chị H đi xuất khẩu lao động từ đó đến nay chưa về nước, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh D và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 11, Điều 14; Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh D. Xử không công nhận anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị H là vợ chồng.

[4]. Về nuôi con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 01/8/2002 và cháu Nguyễn Phương H1, sinh ngày 28/6/2004. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về tài sản, công nợ: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn D phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điều 53; khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 8 điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37; Điều 38; khoản 4 điều 147; điều 227; điều 273; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 272 khoản 2 Điều 479 BLTTDS; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử .

1.Về hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị H là vợ chồng.

2.Về án phí: Anh Nguyễn Văn D phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000517 ngày 13/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Nguyễn Văn D đã nộp đủ.

3.Về quyền kháng cáo bản án: Anh Nguyễn Văn D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Chị Nguyễn Thị H hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm

Noinhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Yên Lư, Yên Dũng, Bắc Giang.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trung Thông

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ 00 phút, ngày 12 tháng 9 năm 2022.

Tại trụ sở TAND tỉnh Bắc Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thông

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Phương

Bà Nguyễn Thị Bích

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 138/2022/TLST-HNGĐ
ngày 13 tháng 7 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”. Giữa:

***Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn D; Sinh năm : 1976 (

Nơi ĐKKHKT: Thôn B xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

***Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị H; Sinh năm : 1977

Nơi ĐKKHKT: Thôn B xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

(Hiện đang lao động tại nước ngoài)

Địa chỉ cuối cùng của chị Nguyễn Thị H tại Việt Nam là Thôn B xã Y, huyện
Y, tỉnh Bắc Giang.

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của các
đương sự và của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang.*

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điều 53; khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 8 điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37; Điều 38; khoản 4 điều 147; điều 227; điều 273; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 272 khoản 2 Điều 479 BLTTDS; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử .

1.Về hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị H là vợ chồng.

2.Về án phí: Anh Nguyễn Văn D phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000517 ngày 13/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Nguyễn Văn D đã nộp đủ.

3.Về quyền kháng cáo bản án: Anh Nguyễn Văn D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Chị Nguyễn Thị H hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 12 tháng 9 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Nguyễn Hồng Phương

Nguyễn Trung Thông

